CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
YEAH1 GROUP CORPORATION
Số/No: 329/2508/CBTT/CTHĐQT/YEG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom - Happiness
------o0o------

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025
Ho Chi Minh City, August 29, 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP. HCM	**DISCLOSURE OF INFORMATION ON THE STATE SECURITIES COMMISSION'S PORTAL AND THE HOCHIMINH STOCK EXCHANGE'S PORTAL**

Kính gửi/To: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước / *The State Securities Commission*
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. HCM / *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên tổ chức/*Organization name*: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 / *YEAH1 GROUP CORPORATION*
- Mã chứng khoán/*Securities Symbol*: YEG
- Địa chỉ trụ sở chính/*Head office address*: 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam / *140 Nguyen Van Thu, Tan Dinh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.*
- Điện thoại/*Telephone*: (+84) 287300 6071 Fax: 08 3910 1073
- Người thực hiện công bố thông tin/ Submitted by: Bà/*Ms* Lê Phương Thảo
  Chức vụ/*Position:* Chủ tịch Hội đồng quản trị/*Chairwoman of the Board of Directors*

Loại thông tin công bố *Information disclosure type*	[x] Định kỳ *Periodic*	[ ] Bất thường *Irregular*	[ ] 24 giờ *24 hours*	[ ] Theo yêu cầu *On-demand*

Nội dung thông tin công bố/*Content of Information disclosure*:

Ngày 29/8/2025, Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") công bố thông tin các nội dung sau:

- Báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2024.
- Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Công ty kèm Giải trình chênh lệch so với cùng kỳ năm 2024.

On August 29, 2025, Yeah1 Group Corporation (the "Company") announced the following information:

- *The Company's audited semi-annual separate financial statements for the six months ended June 30, 2025, together with an explanation of the variations from the same period in 2024.*
- *The Company's audited semi-annual consolidated financial statements for the six months ended June 30, 2025, together with an explanation of the variations from the same period in 2024.*

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 vào ngày 29 tháng 8 năm 2025 tại đường dẫn: http://yeah1group.com/investor-relations.

This information was disclosed on Yeah1 Group Corporation's Portal on August 29, 2025. Available at: http://yeah1group.com/investor-relations.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare that all information in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Nơi nhận:
Recipient:
+ Như trên;
+ *As above;*
+ Lưu VP;
+ *Archived;*

Đại diện tổ chức/*Organization representative*
Người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

LÊ PHƯƠNG THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chairwoman

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=Quận 3, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0304592171
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.08.29 19:11:25+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.2.0

YEAH1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Số: 328/2508 /YEG/CV	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 08 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Yeah1 ("Công ty") giải trình khi lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") tại Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng đầu năm 2025 có biến động trên mười phần trăm (10%) so với cùng kỳ năm ngoái, cụ thể như sau:

Chênh lệch báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất lũy kế 6 tháng đầu năm năm 2025 sau soát xét so với cùng kỳ năm 2024:

a. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	**6 tháng đầu năm 2025** (1)	**6 tháng đầu năm 2024** (2)	**Chênh lệch** (3)=(1)-(2)	**Thay đổi** %
Lợi nhuận sau thuế TNDN	59.287.410.966	21.454.451.261	37.832.959.705	176,34%

Lợi nhuận sau thuế TNDN hợp nhất của Tập đoàn 6 tháng đầu năm 2025 tăng 37.832.959.705 đồng, tương ứng tăng 176,34% chủ yếu là do Tập Đoàn đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, doanh thu tăng ở hầu hết các lĩnh vực như: mảng tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông tăng trưởng 137%, mảng cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông tăng 188% và mảng nội dung số tăng 75% so với cùng kỳ năm 2024, dẫn đến sự gia tăng về lợi nhuận gộp và lợi nhuận sau thuế của Tập đoàn.

YEAH1

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng 6 tháng đầu năm 2025 sau soát xét

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	6 tháng đầu năm 2025 (1)	6 tháng đầu năm 2024 (2)	Chênh lệch (3)=(1)-(2)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(120.386.234.419)	1.512.510.539	(121.898.744.958)

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2025 giảm 121.898.744.958 đồng so với cùng kỳ năm 2024 chủ yếu do việc ghi nhận chi phí tài chính liên quan đến thoái vốn công ty con trong quý I năm 2025.

Toàn bộ nội dung Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất sau soát xét 6 tháng năm 2025 đã được đăng tải trên website của Công ty: *www.yeah1group.com*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung công bố thông tin.

Nơi nhận:

- *Như trên;*
- *Lưu: VT.*

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1

M.S.D.N: 0304592171 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGÔ THỊ VÂN HẠNH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025



Shape the future
with confidence

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 65

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó Chủ tịch, Thành viên độc lập	
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên độc lập	
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Thành viên	
Ông Kim Min Soo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng ban	
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên	
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên	bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc	
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") trân trọng trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

M.S.D.N: 0304592170 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN YEAH1 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Thị Vân Hạnh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Ernst & Young Vietnam Limited
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252
Email: eyhcmc@vn.ey.com
Website (EN): ey.com/en_vn
Website (VN): ey.com/vi_vn

Shape the future
with confidence

Số tham chiếu: 12925844/68610550/LR/HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 65, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

A member firm of Ernst & Young Global Limited

Shape the future
with confidence

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

M.S.D.N: 0300811802 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Maria Cristina M. Calimbas
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1073-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

A member firm of Ernst & Young Global Limited

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**1.676.993.352.583**	**1.305.306.889.451**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***5***	***184.593.738.841***	***136.236.074.178***
111	1. Tiền		180.593.738.841	125.344.482.100
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.000.000.000	10.891.592.078
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***230.000.000***	***1.230.000.000***
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	230.000.000	1.230.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***1.387.845.205.207***	***1.101.930.451.740***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	637.140.604.972	351.157.857.253
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	424.410.372.818	353.377.447.486
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	9	245.622.235.018	355.269.960.018
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	10	97.768.903.125	113.140.517.320
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(17.096.910.726)	(71.015.330.337)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***12***	***93.413.688.827***	***40.804.852.414***
141	1. Hàng tồn kho		93.413.688.827	40.804.852.414
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***10.910.719.708***	***25.105.511.119***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	6.267.427.667	15.054.268.237
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	20	4.553.264.575	10.019.963.592
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	90.027.466	31.279.290

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**968.882.624.663**	**1.207.562.711.144**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		**336.421.579.322**	**477.290.973.579**
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7	24.000.000.000	24.000.000.000
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	9	9.090.000.000	10.990.000.000
216	3. Phải thu dài hạn khác	10	303.331.579.322	442.300.973.579
220	***II. Tài sản cố định***		***212.022.402.177***	***208.544.841.945***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	14	5.621.572.143	10.300.656.939
222	Nguyên giá		11.955.945.793	16.097.844.675
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(6.334.373.650)	(5.797.187.736)
227	2. Tài sản cố định vô hình	15	206.400.830.034	198.244.185.006
228	Nguyên giá		272.358.950.290	243.416.211.684
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(65.958.120.256)	(45.172.026.678)
240	***III. Tài sản dở dang dài hạn***		***88.366.481.482***	***63.162.748.821***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	88.366.481.482	63.162.748.821
250	***IV. Đầu tư tài chính dài hạn***	***18***	***9.544.293.480***	***111.178.423.767***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	18.1	2.336.442.525	103.807.419.542
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	19.715.625.000	19.715.625.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	18.2	(12.507.774.045)	(12.344.620.775)
260	***V. Tài sản dài hạn khác***		***322.527.868.202***	***347.385.723.032***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	32.675.697.273	42.009.118.834
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.3	3.994.102.289	3.513.354.336
269	3. Lợi thế thương mại	17	285.858.068.640	301.863.249.862
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**2.645.875.977.246**	**2.512.869.600.595**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**543.947.737.157**	**1.012.991.101.726**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***500.553.229.872***	***962.985.040.933***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	19.1	114.291.779.852	137.590.758.890
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19.2	53.770.034.110	13.959.803.176
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	21.531.112.575	40.757.934.104
314	4. Phải trả người lao động		10.754.375.218	14.383.857.602
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	74.653.710.773	78.176.209.568
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	53.542.147.797	147.901.263.340
320	7. Vay ngắn hạn	23	169.158.951.739	527.364.096.445
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		2.851.117.808	2.851.117.808
330	***II. Nợ dài hạn***		***43.394.507.285***	***50.006.060.793***
338	1. Vay dài hạn	23	43.394.507.285	50.006.060.793
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**2.101.928.240.089**	**1.499.878.498.869**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***2.101.928.240.089***	***1.499.878.498.869***
411	1. Vốn cổ phần	24.1	1.918.020.350.000	1.370.014.540.000
411a	*- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*1.918.020.350.000*	*1.370.014.540.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	24.1	75.418.254	140.518.254
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		77.790.509	-
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	24.1	128.158.475.250	72.654.634.776
421a	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ) lũy kế đến cuối kỳ trước*		*72.118.115.899*	*(53.053.428.791)*
421b	*- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*56.040.359.351*	*125.708.063.567*
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	55.596.206.076	57.068.805.839
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**2.645.875.977.246**	**2.512.869.600.595**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27.1**	**676.843.357.817**	**284.036.464.970**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**		**-**	**-**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**27.1**	**676.843.357.817**	**284.036.464.970**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**28**	**(582.686.828.078)**	**(252.385.224.394)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**94.156.529.739**	**31.651.240.576**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**27.2**	**66.658.614.863**	**76.991.631.271**
22	**7. Chi phí tài chính**	**29**	**(15.533.996.917)**	**(10.756.892.904)**
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*(14.423.219.934)*	*(8.306.578.721)*
24	**8. Phần lỗ trong công ty liên kết**	**18.1**	**(112.840.128)**	**(2.740.102.409)**
25	**9. Chi phí bán hàng**	**30**	**(15.491.697.806)**	**(9.552.339.701)**
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**30**	**(64.117.295.146)**	**(57.928.647.472)**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**65.559.314.605**	**27.664.889.361**
31	**12. Thu nhập khác**		**54.572.152**	**42.339.632**
32	**13. Chi phí khác**	**31**	**(4.078.606.100)**	**(2.193.656.348)**
40	**14. Lỗ khác**		**(4.024.033.948)**	**(2.151.316.716)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**61.535.280.657**	**25.513.572.645**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**33.1**	**(2.728.617.644)**	**(434.455.909)**
52	**17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	**33.1**	**480.747.953**	**(3.624.665.475)**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**59.287.410.966**	**21.454.451.261**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**56.040.359.351**	**29.135.069.765**
62	**20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát**	**26**	**3.247.051.615**	**(7.680.618.504)**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**328**	**213**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)**	**25**	**328**	**213**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**61.535.280.657**	**25.513.572.645**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	14, 15,17	40.031.269.043	17.319.691.169
03	Các khoản dự phòng		472.550.085	10.801.953.926
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(64.981.331.456)	(72.255.653.930)
06	Chi phí lãi vay	29	14.423.219.934	8.306.578.721
08	**Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**51.480.988.263**	**(10.313.857.469)**
09	Tăng các khoản phải thu		(96.373.813.463)	(208.586.233.226)
10	Tăng hàng tồn kho		(52.686.293.328)	(65.949.687.031)
11	Tăng các khoản phải trả		32.454.181.437	212.032.103.673
12	Tăng chi phí trả trước		18.326.521.550	25.110.953.327
14	Tiền lãi vay đã trả		(27.579.955.564)	(5.390.926.893)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	20	(7.920.295.792)	(151.736.409)
20	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(82.298.666.897)**	**(53.249.384.028)**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(101.107.726.321)	(61.290.018.796)
23	Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		(90.393.275.000)	(51.284.736.065)
24	Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và cho vay		77.220.000.000	50.018.134.521
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.778.431.605)	(34.186.277.729)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		676.570.416	15.695.795.174
27	Tiền thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		31.390.832.928	22.735.725.627
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(83.992.029.582)**	**(58.311.377.268)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		547.940.710.000	-
31	Cổ đông không kiểm soát góp vốn		104.686.684	-
33	Tiền vay nhận được	23	151.993.549.102	200.819.383.783
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	23	(484.259.338.225)	(90.490.249.421)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	26	(1.242.640.000)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**214.536.967.561**	**110.329.134.362**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**48.246.271.082**	**(1.231.626.934)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**136.236.074.178**	**8.461.339.357**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		111.393.581	-
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**5**	**184.593.738.841**	**7.229.712.423**

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0304592171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKH&ĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 12 tháng 9 năm 2006, và GCNĐKDN điều chỉnh gần nhất lần thứ 34 do Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 8 năm 2025.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý, quảng cáo, hoạt động sáng tác, nghệ thuật, giải trí; sản xuất và phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là YEG theo Quyết định số 212/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 19 tháng 6 năm 2018.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 là 303 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 316).

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm 10 công ty con trực tiếp và 11 công ty con gián tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 11 công ty con trực tiếp và 12 công ty con gián tiếp) với chi tiết như sau:

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
1	Công ty TNHH 1Production ("1Pro")	GCNĐKDN số 0317690271 do SKH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh ("TPHCM") cấp ngày 21 tháng 2 năm 2023, và GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
2	Công ty TNHH 1Talents ("1Talents")	GCNĐKDN số 0318105371 do SKH&ĐT TPHCM cấp vào ngày 16 tháng 10 năm 2023	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
3	Công ty Cổ phần 1Label ("1Label")	GCNĐKDN số 0318347998 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 14 tháng 3 năm 2024 GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo	100,00%	100,00%	51,00%	51,00%
4	Công ty TNHH 1Brandlink	GCNĐKDN số 0318106103 do SKH&ĐT TPHCM cấp vào ngày 17 tháng 10 năm 2023	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
5	Công ty TNHH Yeah1 Network Việt Nam	GCNĐKDN số 0314526114 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 19 tháng 7 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo, nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	100,00%	100,00%	99,89%	100,00%
6	Công ty TNHH Yeah1 Up ("Y1U")	GCNĐKDN số 0317420589 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 8 tháng 8 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	100,00%	100,00%	99,99%	100,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
7	Công ty Cổ phần Yeah1 Edigital ("Edigital")	GCNĐKDN số 0311465311 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 4 tháng 1 năm 2012, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo, sản xuất chương trình	69,55%	69,55%	69,55%	69,55%
8	Công ty Cổ phần Truyền thông Công nghệ Netlink Việt Nam ("Netlink")	GCNĐKDN số 0109406470 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 5 tháng 11 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32 Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	69,00%	69,00%	69,00%	69,00%
9	Công ty TNHH Giải trí và Truyền Thông Mango+ ("Mango+")	GCNĐKDN số 1301125847 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2023, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, video và chương trình truyền hình	100,00%	100,00%	69,55%	100,00%
10	Công ty TNHH Trung tâm Công nghệ và Chuyển đổi số ("CDS") *(*)*	GCNĐKDN số 1301092937 do SKH&ĐT Tỉnh Bến Tre cấp ngày 11 tháng 6 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 48, Đường Hai Bà Trưng, Phường An Hội, Tỉnh Bến Tre, Việt Nam	Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính	51,00%	51,00%	51,00%	51,00%
11	Công ty Cổ phần Siêu Sao Yeah1 ("YSS") *(*)*	GCNĐKDN số 0316198596 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 191, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo	50,98%	50,98%	50,98%	50,98%
12	Công ty TNHH Yeah1 Publishing	GCNĐKDN số 0314688330 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 19 tháng 10 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo	64,86%	94,00%	64,86%	94,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
13	Netlink Communication Technology Ltd ("Netlink BVI")	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	British Virgin Islands	Tư vấn marketing, quảng cáo, gia công phần mềm, dịch vụ tư vấn quản lý, tổ chức sự kiện và nghiên cứu thị trường, thăm dò dư luận	35,18%	50,99%	35,18%	50,99%
14	Netlink Online Pte Ltd	Mã số doanh nghiệp số BVI:2093531 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 10 tháng 3 năm 2022	470 North Bride Road #05-12 Bugis Cube, Singapore	Quảng cáo, dịch vụ công nghệ thông tin	35,18%	100,00%	35,18%	100,00%
15	Web Publishing Corp.	Mã số doanh nghiệp số 2165257 do Cơ quan đăng ký doanh nghiệp Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024	OMC Chambers, Wickhams Cay 1, Road Town, Tortola, British Virgin Islands	Quảng cáo	17,63%	50,10%	-	-
16	Công ty Cổ phần Netlink ("CP Netlink")	GCNĐKDN số 0110853219 do SKH&ĐT Hà Nội cấp ngày 3 tháng 10 năm 2024, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 2, tòa Dolphin Plaza, số 6 Nguyễn Hoàng, Phường Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Quảng cáo	17,24%	99,9%	-	-
17	Công ty TNHH Ting Ting Network	GCNĐKDN số 0317396978 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 21 tháng 7 năm 2022, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Số 70, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	69,55%	100,00%	69,55%	100,00%
18	Công ty TNHH Big Cat ("BigCat")	GCNĐKDN số 131706995 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 6 tháng 12 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	55,64%	80,00%	55,64%	80,00%

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	*Tên công ty con*	*Pháp lý*	*Địa điểm*	*Hoạt động chính*	*Số cuối năm*		*Số đầu năm*	
					Tỷ lệ sở hữu	*Tỷ lệ biểu quyết*	*Tỷ lệ sở hữu*	*Tỷ lệ biểu quyết*
19	Công ty Cổ phần Tstudio ("Tsudio")	GCNĐKDN số 0316490939 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	170N Nơ Trang Long, Phường Bình Thạnh, TPHCM, Việt Nam	Hoạt động nhiếp ảnh	41,69%	59,95%	41,69%	59,95%
20	Công ty TNHH Việt Nam Music Award ("VMA")	GCNĐKDN số 0317626318 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 17 tháng 9 năm 2020, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan, quảng cáo	35,47%	51,00%	35,47%	51,00%
21	Công ty TNHH Trung Tâm Nội Dung Số ("DCC")	GCNĐKDN số 1301046426 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 29 tháng 12 năm 2017, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, TPHCM, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ tạo lập nội dung số, quảng cáo điện tử và cho thuê văn phòng	69,55%	100,00%	69,55%	100,00%
22	Công ty Cổ phần Công nghệ Thương mại Giga1 ("Giga1")	GCNĐKDN số 0102349978 do SKH&ĐT Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2008, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 4, Tòa nhà Star Tower, lô D32, Khu đô thị mới Cầu Giấy, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Công nghệ, bán buôn	-	-	99,99%	99,99%
23	Công ty Cổ phần Gigagoods ("Gigagoods")	GCNĐKDN số 0316763583 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 22 tháng 3 năm 2021, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Bán lẻ	-	-	50,99%	51,00%
24	Công ty Cổ phần Phân phối Gigawin ("Gigawin")	GCNĐKDN số 0316703552 do SKH&ĐT TPHCM cấp ngày 2 tháng 2 năm 2011, và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó	Tầng 8, Tòa nhà Galleria, Số 258, Đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, TPHCM, Việt Nam	Quảng cáo	-	-	58,99%	59,00%

(*) Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty vẫn đang trong quá trình góp vốn bổ sung vốn điều lệ tại các công ty con này *(Thuyết minh số 36.2)*.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty mẹ và báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

- Hàng hóa và bản quyền chương trình: chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh; và
- Chi phí sản xuất dở dang: giá gốc bán thành phẩm áp dụng theo phương pháp thực tế đích danh và bình quân gia quyền tùy vào đặc thù của từng loại chi phí.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhãn hiệu, tên thương mại	10 - 44 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Chương trình phim ngắn	5 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	5 - 6 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 năm

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt hoặc xây dựng tài sản phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị của Nhóm Công ty mà chưa hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi phí xây dựng cơ bản không được khấu trừ cho đến khi nó đã hoàn thành và đưa vào hoạt động.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Chi phí trả trước (tiếp theo)

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ:

- Các chương trình truyền hình đang phát sóng;
- Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn; và
- Phí dịch vụ trả trước khác.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.12 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành nghiệm thu.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán giữa niên độ khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Các bộ phận chính theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao bao gồm hoạt động kinh doanh cung cấp bản quyền nội dung số, dịch vụ giải trí và truyền thông.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình mật thiết trong gia đình của họ.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Góp vốn thành lập Web Publishing Corp.

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2025, Netlink BVI, Công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty, đã góp vốn thành lập Web Publishing Corp. theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị Số 2093531 ngày 17 tháng 3 năm 2025 và đã nhận được Giấy chứng nhận thành lập số 2165257 Cơ quan đăng ký kinh doanh Quần đảo Virgin thuộc Anh cấp ngày 13 tháng 12 năm 2024. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Web Publishing Corp lần lượt là 50,10% và 17,63%.

4.2 Nhận chuyển nhượng cổ phần của Mango+

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 164/2504/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 25 tháng 4 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng phần vốn góp với giá trị là 500.000.000 VND tương ứng 100% tỷ lệ sở hữu trong Mango+ từ DCC - một Công ty con gián tiếp của Công ty vào ngày 25 tháng 4 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong Mango+ tăng từ 69,5458% lên 100% và Mango+ trở thành Công ty con trực tiếp của Công ty kể từ ngày này.

4.3 Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần trong các công ty con hiện hữu

1Label

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 1092/2411/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 29 tháng 11 năm 2024, Công ty đã nhận chuyển nhượng 97.600 cổ phần tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu trong 1Label từ các bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.013.600.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong 1Label tăng từ 51% lên 99,80% kể từ ngày này.

Y1U

Theo phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 197/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 10 tháng 5 năm 2025, Công ty đã nhận chuyển nhượng 8% tỷ lệ sở hữu trong Y1U từ bên thứ ba với giá trị chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 15 tháng 5 năm 2025. Theo đó, sau khi hoàn tất chuyển nhượng, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Y1U tăng từ 92% lên 100% kể từ ngày này.

4.4 Chuyển nhượng cổ phần trong công ty con hiện hữu và công ty liên kết

Giga1

Vào ngày 31 tháng 3 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 35.999.600 cổ phần, tương ứng với 99.999% cổ phần của Giga1 cho đối tác với giá chuyển nhượng là 450.000.000.000 VND căn cứ Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 910/2408/BBH/HĐQT/YEG ngày 19 tháng 8 năm 2024 và theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 84/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 24 tháng 3 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Giga1 giảm từ 99.999% xuống 0% và Giga1 và hai công ty con của Giga1 là Gigawin và Gigagoods không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này.

Nhóm Công ty đã ghi nhận khoản lãi với số tiền 54.170.667.073 VND từ việc chuyển nhượng này vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ *(Thuyết minh số 27.2)*.

1Talents

Theo Quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị số 205/2505/QĐ/CTHĐQT/YEG ngày 22 tháng 5 năm 2025, Công ty đã chuyển nhượng 2.000.000.000 VND vốn góp, tương đương 100% vốn điều lệ của 1Talents cho Công ty Cổ phần 1Label ("1Label") – một công ty con của Công ty với giá chuyển nhượng là 2.000.000.000 VND vào ngày 22 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết của Nhóm Công ty trong 1Talents giữ nguyên là 100% và 1Talents trở thành công ty con gián tiếp của Công ty kể từ ngày này.

Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")

Theo Quyết định của Chủ tịch của 1Talents số 39/2505/QĐ/CTCT/1TALENTS ngày 23 tháng 5 năm 2025, 1Talents – một Công ty con của Công ty đã chuyển nhượng 49.000 cổ phần, tương đương 49% vốn điều lệ của 1Social cho một bên thứ ba vào ngày 23 tháng 5 năm 2025. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong 1Social giảm từ 49% xuống 0% và 1Social không còn là công ty liên kết của Nhóm Công ty kể từ ngày này.

4. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.5 Nhận chuyển nhượng cổ phần CP Netlink

Theo phê duyệt của Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Netlink BVI số 02/BVI/2025 ngày 18 tháng 6 năm 2025, Netlink BVI – công ty con gián tiếp của Công ty đã nhận chuyển nhượng 49.000 cổ phần từ ông Nguyễn Văn Dũng tương ứng với 49% tỷ lệ sở hữu trong Công ty CP Netlink. Theo đó, Công ty CP Netlink trở thành công ty con gián tiếp của Nhóm Công ty kể từ ngày này. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty nắm giữ 99,996% quyền biểu quyết tương ứng trong Công ty CP Netlink.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả của Netlink Việt Nam tại ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

VND

	Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua
Tài sản	
Tiền	1.235.168.395
Các khoản phải thu	1.534.049.439
Chi phí trả trước	206.259.419
Tài sản cố định	34.889.168
	3.010.366.421
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả khác	1.829.213.232
	1.829.213.232
Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý	**1.181.153.189**
Cổ đông không kiểm soát *(Thuyết minh số 26)*	149.922.323
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	31.230.866
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán	**1.000.000.000**
Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con	
Tiền chi để mua công ty con	1.000.000.000
Tiền thu về từ công ty con	1.235.168.395
Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua	**(235.168.395)**

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tiền mặt	1.723.870	31.413.103
Tiền gửi ngân hàng	180.592.014.971	125.313.068.997
Các khoản tương đương tiền *(*)*	4.000.000.000	10.891.592.078
TỔNG CỘNG	**184.593.738.841**	**136.236.074.178**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc ba tháng và hưởng lãi suất từ 0,2% đến 3,25%/năm.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 5,85% đến 9%/năm.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Các bên khác	636.928.024.972	350.514.160.122
Công ty Cổ phần Tera Ventures (*)	*364.277.800.000*	-
Công ty Cổ phần King Production	*44.389.974.926*	*15.876.544.444*
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	*23.562.194.000*	*27.942.944.000*
Yeah1 Network Pte Ltd	*23.006.592.502*	*29.908.674.402*
Google Asia Pacific Pte. Ltd	*16.695.503.734*	*76.692.907.716*
Công ty Cổ phần Phim Thiên Ngân	*16.277.113.478*	-
WebTV Asia	*14.279.039.430*	-
Something Big Pte. Ltd.	*10.787.914.770*	*12.749.205.275*
Công ty Cổ phần Tổ hợp Truyền thông STV ("STV") (***)	*6.770.205.688*	*7.167.983.087*
Khác	*116.881.686.444*	*180.175.901.198*
Bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	212.580.000	643.697.131
TỔNG CỘNG	**637.140.604.972**	**351.157.857.253**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(16.670.406.305)	(26.983.621.724)
GIÁ TRỊ THUẦN	**620.470.198.667**	**324.174.235.529**
Phải thu dài hạn của khách hàng		
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần STV *(**) (***)*	24.000.000.000	24.000.000.000

(*) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của Giga1 *(Thuyết minh số 4.4)*, có ngày đến hạn thanh toán cuối cùng là ngày 31 tháng 12 năm 2025.

(**) Đây là khoản phải thu từ chuyển nhượng cổ phần của STV, đến hạn thanh toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2026.

(***) Khoản phải thu này, khoản phải thu về cho vay được trình bày ở *Thuyết minh số 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo các Thỏa thuận Bảo lãnh. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản phải thu này đã được các bên bảo đảm thanh toán.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	26.983.621.724	26.716.111.468
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	861.320.991	5.479.478.787
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(149.824.729)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(241.609.600)	(98.805.489)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(10.783.102.081)	(1.466.126.850)
Số cuối kỳ	16.670.406.305	30.630.657.916

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Các bên khác	424.410.372.818	285.877.447.486
Công ty Cổ phần Tera Group	*160.114.476.520*	*209.318.476.520*
Công ty Cổ phần Quảng cáo Bồ Công Anh ("Bồ Công Anh")	*148.022.000.000*	-
Công ty TNHH Truyền thông N.A.F	*55.333.999.116*	-
Công ty Cổ phần Giải trí và Sự kiện Hand	*43.878.000.000*	-
Khác	*17.061.897.182*	*76.558.970.966*
Bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	-	67.500.000.000
TỔNG CỘNG	**424.410.372.818**	**353.377.447.486**
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn *(Thuyết minh số 11)*	(21.840.980)	(17.054.323.569)
GIÁ TRỊ THUẦN	**424.388.531.838**	**336.323.123.917**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	17.054.323.569	18.449.320.801
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	75.254.541
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(8.160.450.000)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(79.259.961)	-
Trừ: Thanh lý công ty con	(8.792.772.628)	-
Số cuối kỳ *(Thuyết minh số 11)*	21.840.980	18.524.575.342

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**245.622.235.018**	**355.269.960.018**
Cho các bên khác vay	245.622.235.018	355.269.960.018
Dài hạn	**9.090.000.000**	**10.990.000.000**
Cho bên khác vay	9.090.000.000	10.990.000.000
TỔNG CỘNG	**254.712.235.018**	**366.259.960.018**
Dự phòng phải thu về cho vay *(Thuyết minh số 11)*	-	(300.000.000)
GIÁ TRỊ THUẦN	**254.712.235.018**	**365.959.960.018**

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/ năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Vital Investments Group *(**)*	114.106.821.919	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
STV *(**)*	41.968.500.000	*(*)*	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	6.400.000.000	*(*)*	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	3.252.000.000	*(*)*	10,5	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	1.950.000.000	Ngày 12 tháng 1 năm 2026	7,0	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	900.000.000	Ngày 9 tháng 3 năm 2026	8,0	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty TNHH Media Kingdom Việt Nam	23.708.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2025	8,0	Tín chấp
	1.900.000.000	Ngày 1 tháng 4 năm 2026	8,0	Tín chấp
	200.000.000	Từ ngày 31 tháng 1 năm 2026 đến ngày 28 tháng 2 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Aiwize	11.032.000.000	Ngày 31 tháng 7 năm 2025	10	Cổ phiếu của một công ty thuộc sở hữu bên thứ ba
Công ty Cổ phần Công nghệ Openworld	10.000.000.000	Ngày 31 tháng 7 năm 2025	10	Cổ phiếu của một công ty thuộc sở hữu bên thứ ba
Đinh Tấn Danh	8.550.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Tera Group	5.758.000.000	Từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến ngày 21 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp
	145.000.000	30 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, các khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

9. PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay nhằm hỗ trợ vốn lưu động như sau: (tiếp theo)

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Ngày đáo hạn*	*Lãi suất %/năm*	*Hình thức đảm bảo*
Cho các bên khác vay ngắn hạn (tiếp theo)				
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending *(**)*	5.683.138.099	*(*)*	8,0	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
	633.000.000	Ngày 11 tháng 11 năm 2025	8,0	Cổ phiếu của một công ty niêm yết thuộc sở hữu bên thứ ba
Nhimdo properties LLC	2.855.050.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2026	-	Tín chấp
Global App Ventures Corp	2.465.725.000	Ngày 24 tháng 3 năm 2026	-	Tín chấp
Công ty Cổ phần ZeroZ Creative	1.910.000.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Media Investment Hub Việt Nam	1.115.000.000	Ngày 31 tháng 1 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty Cổ phần Trung tâm Thương mại Toàn Cầu	770.000.000	Từ ngày 26 tháng 5 năm 2026 đến ngày 9 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công Ty TNHH Quảng Cáo Truyền Thông TNT	145.000.000	Từ ngày 27 tháng 5 năm 2026 đến ngày 28 tháng 6 năm 2026	10,5	Tín chấp
Công ty TNHH Thương mại Yeah1	115.000.000	Ngày 19 tháng 8 năm 2025	10,5	Tín chấp
Công Ty Cổ Phần Giải Trí Và Sự Kiện Hand	60.000.000	Ngày 21 tháng 4 năm 2026	-	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**245.622.235.018**			
Cho bên khác vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Truyền thông Power *(***)*	9.090.000.000	Ngày 15 tháng 8 năm 2026	10,5	Tín chấp

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán.

(**) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, toàn bộ các khoản phải thu về cho vay này đã được các bên bảo đảm thanh toán.

(***) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu về cho vay này đã được thanh toán.

10. PHẢI THU KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**97.768.903.125**	**113.140.517.320**
Phải thu liên quan tới chi phí xây lắp phim trường *(i)*	39.525.627.784	-
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh:	26.633.635.182	45.763.157.895
Trong đó:		
STV (ii)	*26.163.157.895*	*26.163.157.895*
VTV Cab	*470.477.287*	-
Công ty TNHH Đầu tư Tân An Đông Sài Gòn ("Tân An Đông")	-	*19.600.000.000*
Lãi dự thu từ cho vay và tiền gửi	12.466.942.725	34.965.502.008
Tạm ứng nhân viên	8.059.810.254	8.311.968.425
Đặt cọc	1.503.218.797	3.278.064.894
STVPro	-	11.993.508.096
Khác	9.579.668.383	8.828.316.002
Dài hạn	**303.331.579.322**	**442.300.973.579**
Đặt cọc chuyển nhượng đất và tài sản gắn liền với đất *(iii)*	196.000.000.000	196.000.000.000
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Unicorn Venture *(iv)*	99.875.000.000	99.875.000.000
Đặt cọc	6.856.906.800	6.782.906.800
Phải thu từ hợp đồng hợp tác kinh doanh - Công ty Cổ phần Giải trí TKK	-	138.658.000.000
Khác	599.672.522	985.066.779
TỔNG CỘNG	**401.100.482.447**	**555.441.490.899**
Dự phòng phải thu khác khó đòi *(Thuyết minh số 11)*	(404.663.441)	(26.677.385.044)
GIÁ TRỊ THUẦN	**400.695.819.006**	**528.764.105.855**
Trong đó:		
Các bên khác	*400.904.349.170*	*554.846.947.173*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*196.133.277*	*594.543.726*

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi khác :

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	26.677.385.044	36.645.581.283
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	5.493.770.399
Trừ: Xóa sổ dự phòng trong kỳ	(20.670.158.904)	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(231.054.615)	(131.000)
Trừ: Thoái vốn công ty con	(5.371.508.084)	(6.560.467.267)
Số cuối kỳ	404.663.441	35.578.753.415

10. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

(i) Đây là khoản phải thu với Bồ Công Anh liên quan đến chi phí bồi thường liên quan đến việc tháo dỡ phim trường tọa lạc tại Số 41-49 đường An Phú, phường An Phú, Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản làm việc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

(ii) Theo biên bản đối trừ công nợ ngày 22 tháng 12 năm 2023 giữa Nhóm Công ty, Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cab Việt Nam ("VTVcab") và STV, VTVcab thực hiện bù trừ nghĩa vụ góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với số tiền là 26.163.157.895 VND với số dư công nợ của STV. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận một khoản phải thu từ STV. Khoản phải thu này, khoản phải thu khách hàng và khoản phải thu về cho vay được trình bày lần lượt ở *Thuyết minh số 7 và 9* được đảm bảo bằng cổ phần của một công ty niêm yết thuộc sở hữu của bên thứ ba theo Thỏa thuận Bảo lãnh Số 921/2408/TTBL/YEG-HVUC-ĐĐT ngày 22 tháng 8 năm 2024. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, khoản phải thu này đã được các bên bảo lãnh thanh toán.

(iii) Đây là khoản đặt cọc trong vòng 5 năm để đảm bảo thực hiện việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và công trình xây dựng có công năng phục vụ mục đích văn phòng tại địa chỉ số 140, đường Nguyễn Văn Thủ, phường Tân Định, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Hợp đồng Số 1456/2024/HĐĐC/YEG-SG3 ngày 29 tháng 12 năm 2024 theo Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất Số CI426639.

(iv) Đây là khoản đặt cọc mua theo Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 20 tháng 12 năm 2022, Nhóm Công ty hợp tác đầu tư cùng Công ty Cổ phần Unicorn Venture ("Unicorn Venture") để đầu tư mạo hiểm các dự án start-up. Theo đó, Nhóm Công ty sẽ được phân chia lợi nhuận tương ứng với tỷ lệ 70%. Trong trường hợp phần lợi nhuận chia sẻ cho Nhóm Công ty sau khi đối soát nhỏ hơn 10% tổng số tiền mà Công ty đã giải ngân cho Unicorn Venture tính tới thời điểm đối soát, lợi nhuận được chia sẻ cho Nhóm Công ty sẽ được điều chỉnh thành 10% trên tổng số tiền mà Nhóm Công ty đã giải ngân. Theo phụ lục hợp đồng số 01 Hợp đồng Hợp tác số 146/2303/HĐHT/YEG/UNI ngày 6 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty và Unicorn Venture đã thống nhất điều chỉnh giảm số tiền đầu tư dự án xuống còn 99.875.000.000 VND.

11. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
	Giá trị	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*	*Giá trị*	*Giá trị có thể thu hồi*	*Dự phòng*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	**25.046.136.660**	**8.375.730.355**	**(16.670.406.305)**	**36.904.901.947**	**9.921.280.223**	**(26.983.621.724)**
Yeah1 Network Pte Ltd	5.080.920.081	582.905.201	(4.498.014.880)	5.080.920.081	582.905.201	(4.498.014.880)
Chuongsuki Pte Ltd	2.799.195.287	-	(2.799.195.287)	2.799.195.287	-	(2.799.195.287)
Công ty Cổ phần Truyền thông Ontrending	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)	2.490.070.000	1.245.035.000	(1.245.035.000)
Công ty TNHH Lioz Việt Nam	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)	1.112.886.123	-	(1.112.886.123)
Công ty Cổ phần Giải trí 100 Độ	213.501.288	-	(213.501.288)	213.501.288	-	(213.501.288)
Công ty Cổ phần Đầu tư Canada Ginseng	-	-	-	13.939.220.078	4.181.766.023	(9.757.454.055)
Khác	13.349.563.881	6.547.790.154	(6.801.773.727)	11.269.109.090	3.911.573.999	(7.357.535.091)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	**72.803.267**	**50.962.287**	**(21.840.980)**	**58.217.339.948**	**41.163.016.379**	**(17.054.323.569)**
Công ty TNHH Phân phối Nước Giải khát Quốc tế	-	-	-	48.126.704.193	40.625.760.223	(7.500.943.970)
Something Big SAS	-	-	-	8.160.450.000	-	(8.160.450.000)
Khác	72.803.267	50.962.287	(21.840.980)	1.930.185.755	537.256.156	(1.392.929.599)
Phải thu cho vay ngắn hạn	-	-	-	**300.000.000**	**-**	**(300.000.000)**
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	-	-	-	300.000.000	-	(300.000.000)
Phải thu ngắn hạn khác	**1.251.456.645**	**846.793.204**	**(404.663.441)**	**33.496.231.104**	**6.818.846.060**	**(26.677.385.044)**
Tân An Đông	-	-	-	19.600.000.000	-	(19.600.000.000)
Netlink Online Corporation	-	-	-	7.065.680.000	2.119.704.000	(4.945.976.000)
Công ty Cổ phần Phát Triển UP	-	-	-	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
Khác	1.251.456.645	846.793.204	(404.663.441)	5.830.551.104	4.699.142.060	(1.131.409.044)
TỔNG CỘNG	**26.370.396.572**	**9.273.485.846**	**(17.096.910.726)**	**128.918.472.999**	**57.903.142.662**	**(71.015.330.337)**

12. HÀNG TỒN KHO

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí sản xuất các chương trình đang sản xuất dở dang	59.694.415.398	25.583.778.714
Chi phí các dự án quảng cáo đang sản xuất dở dang	30.505.404.092	12.335.199.650
Hàng hóa	3.172.116.837	738.835.241
Khác	41.752.500	2.147.038.809
TỔNG CỘNG	**93.413.688.827**	**40.804.852.414**
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
GIÁ TRỊ THUẦN	**93.413.688.827**	**40.804.852.414**

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

VND

		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ		-	34.555.718.986
Cộng:	Trích lập dự phòng trong kỳ	-	-
Trừ:	Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(34.555.718.986)
Số cuối kỳ		-	-

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngắn hạn	**6.267.427.667**	**15.054.268.237**
Chương trình đang phát sóng	4.958.043.826	13.271.453.633
Khác	1.309.383.841	1.782.814.604
Dài hạn	**32.675.697.273**	**42.009.118.834**
Chi phí cải tạo văn phòng	16.866.337.874	17.815.326.090
Chương trình đang phát sóng	9.739.392.231	16.907.047.872
Công cụ, dụng cụ	1.431.911.106	1.879.210.538
Khác	4.638.056.062	5.407.534.334
TỔNG CỘNG	**38.943.124.940**	**57.063.387.071**

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.821.563.973	8.640.145.987	280.254.546	3.355.880.169	16.097.844.675
Mua mới	-	61.056.000	-	-	61.056.000
Phân loại lại	-	137.127.273	(98.436.364)	(38.690.909)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(381.390.909)	-	-	(381.390.909)
Giảm khác	(3.821.563.973)	-	-	-	(3.821.563.973)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	8.456.938.351	181.818.182	3.317.189.260	11.955.945.793
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	-	*313.531.819*	*181.818.182*	*930.646.465*	*1.425.996.466*
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(4.449.703.621)	(181.818.182)	(1.165.665.933)	(5.797.187.736)
Khấu hao trong kỳ	-	(592.624.001)	-	(341.801.574)	(934.425.575)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	397.239.661	-	-	397.239.661
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	(4.645.087.961)	(181.818.182)	(1.507.467.507)	(6.334.373.650)
Giá trị còn lại:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	3.821.563.973	4.190.442.366	98.436.364	2.190.214.236	10.300.656.939
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	3.811.850.390	-	1.809.721.753	5.621.572.143

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Chương trình phim ngắn (*)	*Phần mềm máy tính*	*Nhãn hiệu, tên thương mại*	*Tổng cộng*
Nguyên giá				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	216.738.537.887	23.271.709.167	3.405.964.630	243.416.211.684
Mua mới	25.944.693.176	50.240.000	269.473.684	26.264.406.860
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.523.422.222	-	-	5.523.422.222
Tăng do hợp nhất công ty con	-	41.867.000	-	41.867.000
Giảm do thoái vốn công ty con	-	(2.115.375.000)	(661.582.476)	(2.776.957.476)
Giảm khác	-	(110.000.000)	-	(110.000.000)
Phân loại lại	-	220.000.000	(220.000.000)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	248.206.653.285	21.358.441.167	2.793.855.838	272.358.950.290
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	*76.867.000*	*391.156.033*	*468.023.033*
Giá trị hao mòn lũy kế				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(37.042.825.769)	(6.698.068.506)	(1.431.132.403)	(45.172.026.678)
Hao mòn trong kỳ	(21.526.333.947)	(1.537.039.865)	(28.288.434)	(23.091.662.246)
Tăng do hợp nhất công ty con	-	(6.977.832)	-	(6.977.832)
Giảm do thoái vốn công ty con	-	1.708.879.125	603.667.375	2.312.546.500
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(58.569.159.716)	(6.533.207.078)	(855.753.462)	(65.958.120.256)
Giá trị còn lại				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	179.695.712.118	16.573.640.661	1.974.832.227	198.244.185.006
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	189.637.493.569	14.825.234.089	1.938.102.376	206.400.830.034

(*) Đây là chi phí liên quan đến các chương trình phim ngắn độc quyền mà Nhóm Công ty nhận chuyển nhượng từ các đối tác. Vào ngày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình đăng ký quyền sở hữu các chương trình này với Cục Bản quyền Tác giả thuộc Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Dự án xây dựng phim trường	31.481.481.482	48.093.872.054
Dự án triển khai phần mềm Onstudio	42.605.000.000	-
Dự án triển khai phần mềm YEG DX	13.944.000.000	-
Chương trình phim ngắn đang sản xuất	238.222.222	5.523.422.222
Dự án triển khai phần mềm quản lý phân phối DMS	-	9.545.454.545
Khác	97.777.778	-
TỔNG CỘNG	**88.366.481.482**	**63.162.748.821**

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

VND

	Netlink	*Edigital*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 30 tháng 6 năm 2025	147.081.706.909	173.021.917.536	320.103.624.445
Giá trị phân bổ lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	(11.031.128.018)	(7.209.246.565)	(18.240.374.583)
Phân bổ trong kỳ	(7.354.085.345)	(8.651.095.877)	(16.005.181.222)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	(18.385.213.363)	(15.860.342.442)	(34.245.555.805)
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	136.050.578.891	165.812.670.971	301.863.249.862
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	128.696.493.546	157.161.575.094	285.858.068.640

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh 18.1)*	2.336.442.525	103.807.419.542
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác *(Thuyết minh 18.2)*	19.715.625.000	19.715.625.000
TỔNG CỘNG	**22.052.067.525**	**123.523.044.542**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn *(Thuyết minh số 18.2)*	(12.507.774.045)	(12.344.620.775)
GIÁ TRỊ THUẦN	**9.544.293.480**	**111.178.423.767**

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 *Đầu tư vào công ty liên kết*

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 1 công ty liên kết trực tiếp (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1 công ty liên kết trực tiếp):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Meta Blossom	Quảng cáo	40,00	40,00	40,00	40,00

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các công ty con sở hữu 0 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2024: các công ty con sở hữu 4 công ty liên kết):

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*		*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	*Quyền biểu quyết (%)*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Quyền biểu quyết (%)*
Công ty Cổ phần 1Social ("1Social")	Sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	-	-	40,00	40,00
Công ty Cổ phần Công nghệ Truyền thông Số 1 ("Media 1")	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	-	-	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Eco Consumer	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	-	-	49,99	50,00
Công ty Cổ phần Zmedia ("Zmedia")	Dịch vụ quảng cáo	-	-	24,99	25,00

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.1 Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày như sau:

VND

	Media1	*Zmedia*	*1 Social*	*Meta Blossom*	*Tổng cộng*
Giá trị đầu tư:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	92.376.900.000	12.500.000.000	490.000.000	2.000.000.000	107.366.900.000
Giảm do thoái vốn công ty con	(92.376.900.000)	(12.500.000.000)	-	-	(104.876.900.000)
Giảm do thoái vốn công ty liên kết	-	-	(490.000.000)	-	(490.000.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
Phần lũy kế lỗ từ công ty liên kết					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	(4.457.564.385)	898.083.927	-	-	(3.559.480.458)
Giảm do thoái vốn công ty con	4.906.847.038	(898.083.927)	-	-	4.008.763.111
Lỗ trong công ty liên kết	(449.282.653)	-	-	336.442.525	(112.840.128)
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-	-	336.442.525	336.442.525
Giá trị còn lại:					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	87.919.335.615	13.398.083.927	490.000.000	2.000.000.000	103.807.419.542
Ngày 30 tháng 6 năm 2025	-	-	-	2.336.442.525	2.336.442.525

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*			*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*		
		Giá trị đầu tư (VND)	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*	*Giá trị đầu tư (VND)*	*Dự phòng (VND)*	*Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết %*
Công ty Cổ phần 1Game ("1Game")	Trò chơi điện tử và dịch vụ giải trí	8.100.000.000	(892.149.045)	18,00	8.100.000.000	(728.995.775)	18,00
Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông ADSBNC ("ADSBNC")	Quản trị website, dịch vụ công nghệ thông tin, quảng cáo	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40	6.000.000.000	(6.000.000.000)	4,40
Công ty Cổ phần Spaceship ("Spaceship")	Lập trình máy vi tính	2.000.000.000	(2.000.000.000)	11,62	2.000.000.000	(2.000.000.000)	11,62
Công ty Cổ phần Gamify ("Gamify")	Cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00	1.858.000.000	(1.858.000.000)	15,00
Công ty Cổ phần Shopiness ("Shopiness")	Cổng thông tin, xử lý dữ liệu và các hoạt động có liên quan	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00	1.757.625.000	(1.757.625.000)	10,00
TỔNG CỘNG		**19.715.625.000**	**(12.507.774.045)**		**19.715.625.000**	**(12.344.620.775)**	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, Nhóm Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do các công ty này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

19.1 *Phải trả người bán ngắn hạn*

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Các bên khác	114.291.779.852	133.366.770.881
NMP Network Corporation	*11.579.359.953*	*21.941.155.160*
Công ty TNHH Angel Media	*9.465.113.670*	-
Công ty TNHH Công nghệ Hồng Kong Bepic	*8.874.599.007*	-
STVPro	*6.581.300.806*	*18.477.650.451*
Khác	*77.791.406.416*	*92.947.965.270*
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 34)*	-	4.223.988.009
TỔNG CỘNG	**114.291.779.852**	**137.590.758.890**

19.2 *Người mua trả tiền trước ngắn hạn*

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	24.852.744.000	5.021.658.180
Công ty Cổ phần Foody	5.608.500.000	-
Khác	23.308.790.110	8.938.144.996
TỔNG CỘNG	**53.770.034.110**	**13.959.803.176**

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Tăng do mua công ty con*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Phải nộp						
Thuế thu nhập cá nhân	4.569.797.981	19.809.069.227	(16.941.246.660)	-	(1.517.923)	7.436.102.625
Thuế giá trị gia tăng	5.927.890.365	82.762.390.269	(81.715.614.201)	207.529.237	-	7.182.195.670
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.614.877.605	2.728.617.644	(7.920.295.792)	-	(12.248.217.310)	5.174.982.147
Thuế nhà thầu nước ngoài	2.977.806.868	1.802.023.775	(3.050.755.578)	-	-	1.729.075.065
Khác	4.667.561.285	859.621.743	(207.997.150)	-	(5.310.428.810)	8.757.068
TỔNG CỘNG	**40.757.934.104**	**107.961.722.658**	**(109.835.909.381)**	**207.529.237**	**(17.560.164.043)**	**21.531.112.575**
Phải thu						
Thuế giá trị gia tăng	10.019.963.592	67.475.225.846	(66.595.389.827)	168.783.161	(6.515.318.197)	4.553.264.575
Khác	31.279.290	90.027.466	(31.279.290)	-	-	90.027.466
TỔNG CỘNG	**10.051.242.882**	**67.565.253.312**	**(66.626.669.117)**	**168.783.161**	**(6.515.318.197)**	**4.643.292.041**

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	63.576.516.687	56.995.241.817
Chi phí lãi vay	2.297.124.757	7.094.631.738
Lương tháng 13	121.341.727	2.649.221.200
Khác	8.658.727.602	11.437.114.813
TỔNG CỘNG	**74.653.710.773**	**78.176.209.568**
Trong đó		
Các bên khác	*74.627.532.691*	*77.709.459.768*
Bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*26.178.082*	*466.749.800*

22. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải trả tiền nhận góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh *(*)*	31.500.000.000	31.500.000.000
Chi phí lãi vay	2.008.954.006	10.368.182.655
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	1.995.749.484	2.277.757.022
Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần	370.000.000	90.170.020.000
Khác	17.667.444.307	13.585.303.663
TỔNG CỘNG	**53.542.147.797**	**147.901.263.340**
Trong đó:		
Các bên khác	*53.053.279.303*	*147.869.669.915*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*488.868.494*	*31.593.425*

(*) Đây là khoản vốn góp nhận từ VTVCab liên quan đến Hợp đồng Nguyên tắc Hợp tác thực hiện Dự án sản xuất chương trình số 1606/2023/HĐHTKD/VTVCab-YEAH1 và Phụ lục Hợp đồng số 1 quy định cụ thể nội dung hợp tác Dự án "Chị đẹp đạp gió rẽ sóng mùa 1" *(Thuyết minh số 10)*.

23. VAY

VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	*Vay trong kỳ*	*Trả nợ vay trong kỳ*	*Phân loại lại*	*Giảm do thoái vốn công ty con*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*
Ngắn hạn	**527.364.096.445**	**151.993.549.102**	**(480.783.067.039)**	**3.135.282.322**	**(32.550.909.091)**	**169.158.951.739**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.1)*	214.500.561.356	146.293.549.102	(216.501.501.771)	(1.500.000.000)	-	142.792.608.687
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 23.2)*	13.673.475.998	-	(4.137.415.268)	4.635.282.322	-	14.171.343.052
Vay các tổ chức khác *(Thuyết minh số 23.3)*	54.835.000.000	3.700.000.000	(16.925.000.000)	490.000.000	(30.905.000.000)	11.195.000.000
Vay các bên liên quan *(Thuyết minh số 23.4 và 34)*	5.040.000.000	1.000.000.000	(4.550.000.000)	(490.000.000)	-	1.000.000.000
Vay cá nhân	239.315.059.091	1.000.000.000	(238.669.150.000)	-	(1.645.909.091)	-
Dài hạn	**50.006.060.793**	**-**	**(3.476.271.186)**	**(3.135.282.322)**	**-**	**43.394.507.285**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 23.2)*	44.513.789.607	-	-	(3.135.282.322)	-	41.378.507.285
Vay cá nhân *(Thuyết minh số 23.5)*	2.016.000.000	-	-	-	-	2.016.000.000
Vay các tổ chức khác	3.476.271.186	-	(3.476.271.186)	-	-	-
TỔNG CỘNG	**577.370.157.238**	**151.993.549.102**	**(484.259.338.225)**	**-**	**(32.550.909.091)**	**212.553.459.024**

23. VAY (tiếp theo)

23.1 *Vay ngân hàng ngắn hạn*

Nhóm Công ty có các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	70.977.456.603	Từ ngày 31 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	7,20 – 8,20	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	29.749.625.415	Từ ngày 8 tháng 7 năm 2025 đến ngày 26 tháng 12 năm 2025	8,20 – 9,50	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	24.822.202.696	Từ ngày 11 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 3 năm 2026	8,20	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 4	14.445.660.852	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 25 tháng 6 năm 2026	7,20 – 8,20	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 1	2.797.663.121	Từ ngày 24 tháng 7 năm 2025 đến ngày 24 tháng 6 năm 2026	9,00 – 9,50	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**142.792.608.687**			

23. VAY (tiếp theo)

23.2 *Vay ngân hàng dài hạn*

Nhóm Công ty có khoản vay dài hạn từ ngân hàng nhằm thanh toán các khoản đầu tư mua tài sản cố định vô hình là bản quyền các tác phẩm phục vụ hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty. Chi tiết thể hiện như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Định				
Khoản vay 1	32.500.000.000	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 15 tháng 8 năm 2028	Lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 2	15.750.000.000	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2025 đến ngày 5 tháng 7 năm 2027	- 8%/năm tính đến ngày 5 tháng 7 năm 2025 - Sau ngày 5 tháng 7 năm 2025 là lãi suất thả nổi theo lãi suất cơ bản cộng 3.5%/năm	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
Khoản vay 3	7.299.850.337	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2025 đến ngày 23 tháng 12 năm 2027	Lãi suất thả nổi theo thông báo điều chỉnh lãi suất của ngân hàng	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của bên thứ ba
TỔNG CỘNG	**55.549.850.337**			
Trong đó				
Vay dài hạn	*41.378.507.285*			
Vay dài hạn đến hạn trả	*14.171.343.052*			

23. VAY (tiếp theo)

23.3 *Vay ngắn hạn các tổ chức khác*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Công ty Cổ phần Vital Investments Group *(*)*	10.530.000.000	Thỏa thuận	8,0
1Social	490.000.000	Ngày 21 tháng 7 năm 2025	8,0
Giga1	135.000.000	Từ ngày 1 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,5
Công ty Cổ phần Ban Media	40.000.000	Ngày 31 tháng 10 năm 2025	10,5
TỔNG CỘNG	**11.195.000.000**		

23.4 *Vay bên liên quan ngắn hạn (Thuyết minh số 34)*

Đây là khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Meta Blossom	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 1 năm 2026	10,5

23.5 *Vay cá nhân dài hạn*

Đây là các khoản vay tín chấp nhằm bổ sung nhu cầu vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty, chi tiết như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025 (VND)*	*Kỳ hạn trả nợ gốc*	*Lãi suất (%/năm)*
Nguyễn Thị Khánh Hòa	2.016.000.000	Ngày 26 tháng 3 năm 2028	8,0

(*) Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025, khoản vay này đã quá hạn thanh toán.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.313.532.640.000	140.518.254	57.414.341.843	-	1.371.087.500.097
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	29.135.069.765	-	29.135.069.765
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2024	1.313.532.640.000	140.518.254	86.549.411.608	-	1.400.222.569.862
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025:					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.370.014.540.000	140.518.254	72.654.634.776	-	1.442.809.693.030
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	56.040.359.351	-	56.040.359.351
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu *(*)*	548.005.810.000	(65.100.000)	-	-	547.940.710.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	(536.518.877)	-	(536.518.877)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	77.790.509	77.790.509
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025	1.918.020.350.000	75.418.254	128.158.475.250	77.790.509	2.046.332.034.013

(*) Vào ngày 12 tháng 3 năm 2025 theo công văn số 199/UBCK-QLCB, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("SSC") thông báo đã nhận được báo cáo của Công ty về kết quả phát hành phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 616/2405/NQ/ĐHĐCĐ/YEG ngày 6 tháng 5 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 56/2503/NQ/HĐQT/YEG ngày 11 tháng 3 năm 2025. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2025, Công ty đã nhận được GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 32 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, phê duyệt việc tăng vốn điều lệ từ 1.370.014.540.000 VND lên 1.918.020.350.000 VND.

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vào ngày 1 tháng 1	1.370.014.540.000	1.313.532.640.000
Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	548.005.810.000	-
Vào ngày 30 tháng 6	1.918.020.350.000	1.313.532.640.000

24.3 *Cổ phiếu*

	Số lượng cổ phiếu	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Cổ phiếu đăng ký	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu đã phát hành	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu phổ thông	*191.802.035*	*137.001.454*
Cổ phiếu đang lưu hành	**191.802.035**	**137.001.454**
Cổ phiếu phổ thông	*191.802.035*	*137.001.454*

Mệnh giá cổ phần là 10.000 VND/cổ phần. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông của Nhóm Công ty được quyền hưởng cổ tức do Nhóm Công ty công bố. Mỗi cổ phần phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông *(VND)*	56.040.359.351	29.135.069.765
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành *(cổ phiếu)*	170.608.440	131.353.264
Điều chỉnh cho số cổ phiếu cổ đông phát hành không thu tiền *(cổ phiếu)*	-	5.648.190
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sử dụng để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm *(cổ phiếu)*	170.608.440	137.001.454
Lãi cơ bản và lãi suy giảm *(VND/cổ phiếu)*	328	213

26. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Số đầu kỳ	57.068.805.839	12.211.638.962
Lợi nhuận (lỗ) trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	3.247.051.615	(7.680.618.504)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	104.686.684	-
Tăng do hợp nhất *(Thuyết minh số 4.5)*	149.922.323	4.229.711.581
Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong các công ty con	(3.727.196.626)	-
Chia cổ tức	(1.242.640.000)	-
Giảm do thoái vốn công ty con	(4.423.759)	(7.920.739.495)
Số cuối kỳ	55.596.206.076	839.992.544

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Doanh thu tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	567.290.233.376	239.132.465.885
Doanh thu cung cấp dịch vụ và thương mại truyền thông	51.811.309.193	17.981.419.489
Doanh thu cung cấp bản quyền nội dung số	45.972.563.383	26.254.690.996
Doanh thu về bán lẻ và bán hàng khác	11.769.251.865	667.888.600
TỔNG CỘNG	**676.843.357.817**	**284.036.464.970**
Trong đó:		
Các bên khác	*673.337.829.113*	*238.552.671.039*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*3.505.528.704*	*45.483.793.931*

27. DOANH THU (tiếp theo)

27.2 *Doanh thu hoạt động tài chính*

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Lãi do thanh lý khoản đầu tư vào công ty con *(Thuyết minh số 4.2)*	56.170.667.073	59.703.630.545
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.892.273.645	13.891.569.146
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.595.530.768	1.995.874.932
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại thời điểm hợp nhất kinh doanh	-	1.400.556.648
Khác	143.377	-
TỔNG CỘNG	**66.658.614.863**	**76.991.631.271**
Trong đó:		
Các bên khác	*66.658.614.863*	*75.462.983.690*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	-	*1.528.647.581*

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Giá vốn tổ chức sự kiện, quảng cáo và tư vấn truyền thông	495.965.325.204	231.155.565.812
Giá vốn dịch vụ và thương mại truyền thông	45.520.233.727	12.460.316.018
Giá vốn cung cấp bản quyền nội dung số	37.448.915.353	5.959.502.255
Giá vốn về bán lẻ và bán hàng khác	3.752.353.794	2.957.453.621
Dự phòng (Hoàn nhập dự phòng) giảm giá hàng tồn kho	-	(147.613.312)
TỔNG CỘNG	**582.686.828.078**	**252.385.224.394**

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí lãi vay	14.423.219.934	8.306.578.721
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	947.623.713	2.444.065.891
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	163.153.270	-
Khác	-	6.248.292
TỔNG CỘNG	**15.533.996.917**	**10.756.892.904**
Trong đó		
Các bên khác	*15.386.668.150*	*9.948.724.923*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 34)	*147.328.767*	*808.167.981*

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí bán hàng	**15.491.697.806**	**9.552.339.701**
Chi phí nhân viên	10.999.071.167	7.277.614.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.967.213.093	367.637.285
Chi phí khác	525.413.546	1.907.088.161
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**64.117.295.146**	**57.928.647.472**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.972.070.464	11.970.821.415
Phân bổ lợi thế thương mại	16.005.181.222	4.604.872.657
Chi phí nhân viên	14.955.560.244	20.963.461.599
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.253.885.723	1.814.405.984
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	309.396.815	10.949.567.238
Chi phí khác	2.621.200.678	7.625.518.579
TỔNG CỘNG	**79.608.992.952**	**67.480.987.173**

31. CHI PHÍ KHÁC

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tiền phạt	3.395.345.513	1.225.381.769
Khác	683.260.587	968.274.579
TỔNG CỘNG	**4.078.606.100**	**2.193.656.348**

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT. KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.063.847.667	265.734.726.289
Chi phí nhân viên	61.998.490.836	41.025.411.655
Chi phí khấu hao *(Thuyết minh số 14 và 15)*	24.026.087.821	12.714.818.512
Phân bổ lợi thế thương mại *(Thuyết minh số 17)*	16.005.181.222	4.604.872.657
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	309.396.815	10.949.567.238
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(147.613.312)
Khác	6.289.751.804	2.776.218.460
TỔNG CỘNG	**727.692.756.165**	**337.658.001.499**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Chi phí thuế TNDN	5.149.740.797	434.455.909
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(2.421.123.153)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.728.617.644	434.455.909
Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	(480.747.953)	3.624.665.475
TỔNG CỘNG	**2.247.869.691**	**4.059.121.384**

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 *Chi phí thuế TNDN* (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**61.535.280.657**	**25.513.572.645**
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho các công ty trong Nhóm Công ty	12.307.056.131	5.102.714.529
Các điều chỉnh:		
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế hoãn lại	25.082.521.486	3.261.756.259
Phân bổ lợi thế thương mại	3.201.036.244	920.974.531
Chi phí không được trừ thuế	2.626.766.232	4.546.510.732
Điều chỉnh chi phí thuế hoãn lại dự phòng đầu tư vào công ty con	2.667.983.061	-
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	980.947.110	-
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư phát sinh do hợp nhất báo cáo tài chính	(38.867.615.861)	(7.685.932.030)
Lỗ thuế từ năm trước chuyển sang	(3.346.023.412)	(2.354.811.789)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước	(2.421.123.153)	-
Lỗ trong công ty liên kết	22.568.026	548.020.482
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(6.246.173)	-
Lãi từ chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(280.111.330)
Chi phí thuế TNDN	**2.247.869.691**	**4.059.121.384**

33.2 *Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.3 *Thuế TNDN hoãn lại*

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận chưa thực hiện loại trừ trên hợp nhất	(3.622.608.784)	(768.812.700)	(2.853.796.084)	4.053.670.159
Các khoản dự phòng	(371.493.505)	(2.744.541.636)	2.373.048.131	-
TỔNG CỘNG	**(3.994.102.289)**	**(3.513.354.336)**	**(480.747.953)**	**4.053.670.159**
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Dự phòng đầu tư vào công ty con	-	-	-	(429.004.684)
(Thu nhập) chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ			**(480.747.953)**	**3.624.665.475**

33.4 *Lỗ thuế chuyển sang từ năm trước*

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với thu nhập chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế là 189.021.950.441 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 196.369.146.464 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể chuyển lỗ đến năm*	*Lỗ tính thuế*	*Sử dụng*	*Chưa chuyển lỗ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025*
2021	2025	8.159.881.325	(8.159.881.325)	-
2021	2026	10.177.956.510	(5.183.860.519)	4.994.095.991
2022	2027	1.975.280.819	(1.975.280.819)	-
2023	2028	29.109.863.931	(1.215.735.536)	27.894.128.395
2024	2029	30.916.477.485	-	30.916.477.485
2025	2030	125.412.607.430	(195.358.860)	125.217.248.570
TỔNG CỘNG *(*)*		**205.752.067.500**	**(16.730.117.059)**	**189.021.950.441**

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ tính thuế nêu trên do không thể ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.5 Chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định chưa được trừ khi tính thuế TNDN cho năm hiện tại ("chi phí lãi vay chưa được trừ") sang năm sau khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của năm sau. Thời gian chuyển chi phí lãi vay sang năm sau được tính liên tục không quá 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản chi phí lãi vay chưa được trừ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Nhóm Công ty có các khoản chi phí lãi vay chưa được trừ lũy kế có thể sử dụng trong tương lai như sau:

VND

Năm phát sinh	*Có thể được chuyển thành chi phí lãi vay được trừ thuế đến năm*		*Chi phí lãi vay chưa được trừ thuế phát sinh*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ đã chuyển sang năm sau tính đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ không còn được chuyển sang năm sau đến ngày 30/6/2025*	*Chi phí lãi vay chưa được trừ chưa chuyển sang năm sau tại ngày 30/6/2025*
2024	2029	(*)	844.690.224	844.690.224	-	844.690.224
2025	2030	(*)	4.904.735.546	4.904.735.546	-	4.904.735.546
TỔNG CỘNG			**5.749.425.770**	**5.749.425.770**	**-**	**5.749.425.770**

(*) Đây là các khoản chi phí lãi vay không được trừ thuế TNDN ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chi phí lãi vay không được khấu trừ còn lại trị giá 5.749.425.770 VND tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (ngày 31 tháng 12 năm 2024: 844.690.224 VND) do không thể dự tính được liệu chi phí lãi vay không được khấu trừ này có thể sẽ được sử dụng trong thời gian cho phép còn lại hay không.

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ và tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	*Mối quan hệ*
Meta Blossom	Công ty liên kết
1Social	Công ty liên kết *(đến ngày 26 tháng 5 năm 2025)*
Media1	Công ty liên kết *(đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)*
Zmedia	Công ty liên kết *(đến ngày 24 tháng 3 năm 2025)*
1Game	Đầu tư khác
ADSBNC	Đầu tư khác
Gamify	Đầu tư khác
Shopiness	Đầu tư khác
Bồ Công Anh	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty *(đến ngày 3 tháng 2 năm 2025)*
Công ty Cổ phần Finbase	Công ty có nhân sự quản lý chủ chốt là bên liên quan của nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty
Bà Lê Phương Thảo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị ("HĐQT")
Ông Nguyễn Hoàng Giang	Phó chủ tịch HĐQT
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT
Ông Kim Min Soo	Phó Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT *(đến ngày ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Ông Đinh Hoài Nam	Thành viên HĐQT
Ông Đào Phúc Trí	Thành viên HĐQT *(đến ngày 6 tháng 5 năm 2024)*
Ông Yam Kong Fatt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Tiến	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Chế Đoàn Viên	Phó Tổng Giám đốc *(từ nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	Giám đốc tài chính *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)* Quyền Giám đốc tài chính *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)*
Bà Đặng Phương Dung	Kế toán trưởng *(từ ngày 27 tháng 8 năm 2025)* Quyền Kế toán trưởng *(từ ngày 9 tháng 6 năm 2025 đến ngày 26 tháng 8 năm 2025)*
Ông Nguyễn Văn Nam	Trưởng Ban Kiểm soát ("BKS")
Bà Lê Thị Bích Hằng	Thành viên BKS
Ông Vương Hồ Trí Dũng	Thành viên BKS
Bà Lê Thị Hoa	Thành viên BKS *(từ ngày 22 tháng 4 năm 2025)*
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Cá nhân liên quan đến nhân sự quản lý chủ chốt *(đến ngày 20 tháng 3 năm 2025)*

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Meta Blossom	Cung cấp dịch vụ	3.311.728.704	-
	Vay	1.000.000.000	-
	Lãi vay	51.493.151	-
Công ty Cổ phần Finbase	Lãi vay	63.123.288	-
	Cho vay	-	570.000.000
	Lãi cho vay	-	214.940.847
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	793.392.064	86.000.000
Bà Lê Phương Thảo	Tạm ứng	401.404.994	236.111.639
	Thu hồi tạm ứng	745.374.951	126.348.251
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	32.712.328	-
	Vay	-	1.600.000.000
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	246.946.536	208.046.838
	Thu hồi tạm ứng	265.844.194	52.927.888
1Game	Cung cấp dịch vụ	193.800.000	102.000.000
	Cho vay	23.000.000	1.525.000.000
	Lãi cho vay	-	117.321.908
Ông Phạm Minh Tiến	Tạm ứng	7.700.000	-
	Thu hồi tạm ứng	7.700.000	-
Edigital	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	34.519.709.573
	Vay	-	15.080.000.000
	Cho vay	-	1.800.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	1.725.000.000
	Mua dịch vụ	-	702.644.920
	Lãi vay	-	648.504.544
	Lãi cho vay	-	185.110.684
Công ty Cổ phần Tera Group	Cho vay	-	17.560.000.000
	Mua dịch vụ	-	4.333.333.334
	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	2.216.523.810
	Lãi cho vay	-	988.325.015
DCC	Vay	-	1.300.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	21.046.577
	Lãi cho vay	-	20.288.167
	Lãi vay	-	11.065.902

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Big Cat	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	6.138.502.248
	Mua dịch vụ	-	987.600.000
	Cho vay	-	50.000.000
	Lãi cho vay	-	43.151
VMA	Vay	-	2.100.000.000
	Cung cấp dịch vụ	-	416.666.667
	Mua dịch vụ	-	198.375.000
	Lãi vay	-	43.012.602
	Lãi cho vay	-	2.617.809
Tingting	Vay	-	400.000.000
	Lãi vay	-	25.804.111
Tstudio	Cung cấp bản quyền nội dung số	-	344.345.056
Bồ Công Anh	Tạm ứng mua dịch vụ	-	153.800.000.000
Media1	Lãi vay	-	79.780.822
Ông Đào Phúc Trí	Thu hồi tạm ứng	-	5.327.908.126

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
1Game	Cung cấp dịch vụ	212.580.000	-
Media1	Cung cấp dịch vụ	-	643.697.131
TỔNG CỘNG		**212.580.000**	**643.697.131**
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	67.500.000.000

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	*Nội dung nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Phải thu ngắn hạn khác			
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	Tạm ứng	77.254.677	96.152.335
Ông Phạm Minh Tiến	Phải thu khác	65.500.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Chi hộ	53.378.600	-
Ông Lê Phương Thảo	Tạm ứng	-	343.969.957
Zmedia	Lãi cho vay	-	147.899.158
Ông Chế Đoàn Viên	Tạm ứng	-	6.522.276
TỔNG CỘNG		**196.133.277**	**594.543.726**
Vay dài hạn			
Edigital	Cho vay	-	3.450.000.000
1Game	Cho vay	-	1.450.000.000
TỔNG CỘNG		**-**	**4.900.000.000**
Phải trả người bán ngắn hạn			
Bồ Công Anh	Mua dịch vụ	-	4.223.988.009
Chi phí phải trả ngắn hạn			
Meta Blossom	Lãi vay	26.178.082	-
Bồ Công Anh	Chi phí sản xuất chương trình và hoạt động quảng cáo	-	466.749.800
TỔNG CỘNG		**26.178.082**	**466.749.800**
Phải trả ngắn hạn khác			
Ông Phạm Minh Tiến	Phải trả nhận chuyển nhượng cổ phần	462.000.000	-
Meta Blossom	Lãi vay	26.868.494	-
1Social	Lãi vay	-	17.505.754
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Lãi vay	-	14.087.671
TỔNG CỘNG		**488.868.494**	**31.593.425**
Vay ngắn hạn			
Meta Blossom	Vay	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Finbase	Vay	-	3.200.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Vay	-	1.350.000.000
1Social	Vay	-	490.000.000
TỔNG CỘNG		**1.000.000.000**	**5.040.000.000**

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập và thù lao của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Kiểm soát ("BKS") và Ban Tổng Giám đốc:

VND

Họ và tên	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024*
Bà Ngô Thị Vân Hạnh	1.722.000.000	1.500.000.000
Ông Chế Đoàn Viên	471.131.000	708.871.800
Ông Phạm Minh Tiến	912.600.000	-
Bà Nguyễn Thị Khánh Trang	552.966.000	545.286.000
Bà Đặng Phương Dung	47.280.000	-
Ông Nguyễn Văn Nam	6.000.000	-
Bà Lê Thị Hoa	6.000.000	-
Ông Vương Hồ Trí Dũng	6.000.000	-
Ông Đào Phúc Trí	-	-
Bà Lê Phương Thảo	-	-
Ông Yam Kong Fatt	-	-
Ông Kim Min Soo	-	-
Ông Nguyễn Hoàng Giang	-	-
Ông Đinh Hoài Nam	-	-
Bà Lê Thị Bích Hằng	-	-
TỔNG CỘNG	**3.723.977.000**	**2.754.157.800**

Ngoại trừ danh sách được liệt kê ở trên, các thành viên còn lại trong HĐQT và BKS không phát sinh thu nhập và thù lao.

35. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Nợ khó đòi đã xử lý

VND

	Năm xóa sổ	*Ngày 30 tháng 6 năm 2025*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Tân An Đông	2025	19.600.000.000	-
Something Big SAS	2025	8.160.450.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Up	2025	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Truyền thông và Công nghệ Win	2025	353.983.561	-
Công ty TNHH Yeah1 Vision	2025	209.824.729	-
TỔNG CỘNG		**29.324.258.290**	**-**

36. CÁC CAM KẾT

36.1 Cam kết thuê hoạt động (bên đi thuê)

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025	*Ngày 31 tháng 12 năm 2024*
Dưới 1 năm	19.737.404.000	22.762.167.500
Từ 1 năm đến 5 năm	92.885.820.000	92.990.060.000
Trên 5 năm	46.178.910.000	64.650.474.000
TỔNG CỘNG	**158.802.134.000**	**180.402.701.500**

36.2 Cam kết góp vốn

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, Nhóm Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2025		
	Vốn cam kết	*Vốn đã góp*	*Vốn còn phải góp*
CDS	10.200.000.000	10.000.000	10.190.000.000
YSS	7.130.060.000	12.000.000	7.118.060.000
TỔNG CỘNG	**17.330.060.000**	**22.000.000**	**17.308.060.000**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Nhóm Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là truyền thông và giải trí và cung cấp bản quyền nội dung số.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

VND

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	630.870.794.434	45.972.563.383	-	676.843.357.817
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	286.955.408.818	25.441.899.529	(312.397.308.347)	-
Tổng doanh thu thuần	917.826.203.252	71.414.462.912	(312.397.308.347)	676.843.357.817
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	*96.132.425.373*	*9.337.925.527*	*(11.313.821.161)*	*94.156.529.739*
Chi phí không phân bổ				*(79.608.992.952)*
Lợi nhuận từ công ty liên kết				*(112.840.128)*
Doanh thu tài chính				*66.658.614.863*
Chi phí tài chính				*(15.533.996.917)*
Lợi nhuận khác				*(4.024.033.948)*
Lợi nhuận trước thuế				**61.535.280.657**
Chi phí thuế TNDN				*(2.728.617.644)*
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				*480.747.953*
Lợi nhuận sau thuế				**59.287.410.966**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	8.554.924.337	31.468.115.398	-	40.023.039.735
Khấu hao và hao mòn	(2.499.753.874)	(21.526.333.947)	-	(24.026.087.821)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2025				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*2.632.552.667.100*	*222.313.190.842*	*(436.447.913.017)*	*2.418.417.944.925*
Tài sản không phân bổ				*227.458.032.321*
Tổng tài sản				**2.645.875.977.246**
Công nợ bộ phận	*950.862.318.603*	*55.549.850.337*	*(497.601.037.384)*	*508.811.131.556*
Công nợ không phân bổ				*35.136.605.601*
Tổng công nợ				**543.947.737.157**

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, chi phí và một số tài sản của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

	Truyền thông và giải trí	*Cung cấp bản quyền nội dung số*	*Loại trừ*	*VND* *Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024				
Doanh thu thuần từ khách hàng bên ngoài	257.781.773.974	26.254.690.996	-	284.036.464.970
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	43.246.572.842	4.521.136.038	(47.767.708.880)	-
Tổng doanh thu thuần	301.028.346.816	30.775.827.034	(47.767.708.880)	284.036.464.970
Kết quả hoạt động kinh doanh				
Kết quả kinh doanh bộ phận	11.682.403.394	22.605.515.255	(2.636.678.073)	31.651.240.576
Chi phí không phân bổ				(67.480.987.173)
Lợi nhuận từ công ty liên kết				(2.740.102.409)
Doanh thu tài chính				76.991.631.271
Chi phí tài chính				(10.756.892.904)
Lợi nhuận khác				(2.151.316.716)
Lợi nhuận trước thuế				**25.513.572.645**
Chi phí thuế TNDN				(434.455.909)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại				(3.624.665.475)
Lợi nhuận sau thuế				**21.454.451.261**
Các thông tin bộ phận khác				
Chi phí hình thành tài sản cố định	(36.651.185.694)	(24.638.833.102)	-	(61.290.018.796)
Khấu hao và hao mòn	(2.253.654.707)	(10.461.163.805)	-	(12.714.818.512)
Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024				
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	*1.817.594.106.346*	*217.206.581.464*	*(323.649.217.501)*	*1.711.151.470.309*
Tài sản không phân bổ				*285.469.215.677*
Tổng tài sản				**1.996.620.685.986**
Công nợ bộ phận	*776.637.352.805*	*68.813.851.876*	*(321.810.738.497)*	*523.640.466.184*
Công nợ không phân bổ				*71.917.657.396*
Tổng công nợ				**595.558.123.580**

38. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Theo công văn số 3738/UBCK-QLCB ngày 23 tháng 7 năm 2025, SSC thông báo đã nhận được Công văn số 250/2507/CV/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025 của Công ty thông báo về việc chuyển quyền sở hữu cổ phiếu YEG đang nắm giữ bởi các nhân viên đã chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng do Công đoàn thu hồi cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 242/2507/NQ/HĐQT/YEG ngày 1 tháng 7 năm 2025. Theo đó, Công ty sẽ tiến hành thu hồi 81.615 cổ phiếu do nhân viên chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu thưởng.

Ngoài sự kiện trên và các sự kiện được trình bày ở *Thuyết minh số 7, 9 và 10*, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

Lưu Anh Khoa	Đặng Phương Dung	Ngô Thị Vân Hạnh
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc